**BÀI 26: THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN.**

**TÌM HIỂU CÁC BƯỚC LÀM SỮA CHUA**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết, Tiết 25)

**Ngày soạn: 17/11/2023**

**Ngày dạy: 28/11/2023**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong quá trình thực hành;

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ thực hành;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

**2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên:Trình bày được các bước làm tiêu bản vi khuẩn lactic;

- Tìm hiểu tự nhiên: Làm được tiêu bản vi khuẩn, quan sát hình ảnh vi khuẩn;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng làm được sữa chua.

**3. Phẩm chất**

- Thông qua hiểu biết về vi khuẩn, biết chủ động phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra;

- Trung thực trong quá trình thực hành, báo cáo kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

-Kế hoạch bài dạy, SGK, tiêu bản mẫu, tranh ảnh.

- Máy chiếu, laptop.

- Mẫu vật: Nước dưa, cà muối.

- Tiêu bản mẫu.

- Nguyên liệu:

+ Sữa chua: 4x1 hộp (100 g)

+ Sữa đặc có đường:4x1 hộp (380g)

+ Nước đun sôi: 4x500 ml

+ Nước đun sôi để nguội:4x 500 ml

- Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamen, pipette, giấy lọc, cốc thuỷ tinh, nổi ủ hoặc thùng xốp, đũa, chậu thuỷ tinh, nhiệt kế…

**2. Học sinh:**

- Vở ghi, SGK.

**III. Tiến trình dạy học**

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: Em hãy trình bày đặc điểm hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn? Nêu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người?

3. Bài mới:

***A. Hoạt động 1: Khởi động***

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo ra cho học sinh sự hứng thú và tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV kiểm tra:  + Phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công.  + Các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1,2 HS trình bày).  - GV yêu cầu:  + Làm được tiêu bản vi khuẩn lactic và làm được sữa chua.  + Vẽ lại hình khi quan sát được.  + Các nhóm không nói to, không được đi lại lộn xộn.  - GV phát dụng cụ, nguyên liệu và mẫu vật  Giáo viên chia lớp ra 4 nhóm: (8 – 10 HS ) mỗi nhóm một bộ gồm kính hiển vi, một khay đựng dụng cụ như kim mũi mác, kim mũi nhọn, dao, lọ nước ống nhỏ nước, giấy thấm, lam kính… | - HS lắng nghe và thực hiện  - HS trình bày nhanh các bước sử dụng kính hiển vi (kiến thức cũ). |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Hoạt động 2: Quan sát vi khuẩn***

a.Mục tiêu: Quan sát và vẽ được hình ảnh vi khuẩn. Nhận biết được một số loại vi khuẩn khác từ tiêu bản mẫu.

b. Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; dạy học hợp tác, phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dùng trực quan

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.*** Yêu cầu các nhóm làm tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa chua và quan sát một số vi khuẩn khác trong tiêu bản mẫu. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + GV định hướng để HS tự làm được tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa chua theo các bước trong SGK:  Bước 1: Mở nắp lọ dưa, cà muối  Bước 2: Dùng pipette lấy 1 giọt nước dưa, nước cà muối cho lên lam kính.  Bước 3: Đậy lamen lên giọt nước dưa, nước cà muối.  Bước 4: Nhỏ 1 giọt xanh methylene vào cạnh góc lamen sao cho hòa lẫn với giọt nước dưa, nước cà muối.  Bước 5: Dùng giấy thấm nước thừa tràn ra ngoài lam kính.  Bước 6: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính có bội số bội giác 10x, 40x.  + GV đặt câu hỏi: Bước nhuộm xanh methylene khi làm tiêu bản quan sát vi khuẩn trong nước dưa muối, cà muối có ý nghĩa gì?  + Quan sát các tiêu bản mẫu. | - Thực hiện theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.  - Bước 1:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image359.jpeg  - Bước 2:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image361.jpeg  - Bước 3 + bước 4:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image360.jpeg  - Bước 5:  image363  - Bước 6:  image362  + HS trả lời: Vi khuẩn bắt màu thuốc nhuộm để dễ quan sát. |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  GV cho HS báo cáo kết quả quan sát được của nhóm mình và đối chiếu với một số hình ảnh GV đã chuẩn bị trước. | - Các nhóm trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***GV tổng kết kiến thức | HS vẽ hình : vi khuẩn lactic và một số hình ảnh vi khuẩn khác đã quan sát được ở tiêu bản mẫu |

***Hoạt động 3: Làm sữa chua***

a. Mục tiêu: Làm được sữa chua.

b. Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; dạy học hợp tác , phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dùng trực quan.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  GV yêu cầu HS thực hiện các bước làm sữa chua trong SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  GV cho HS xem video về cách làm sữa chua, đồng thời nghiên cứu cách thức làm sữa chua theo hướng dẫn trong SGK.  Mỗi nhóm thực hiện theo các bước sau:  *Bước 1:* Mở hộp sữa đặc và đổ vào chậu thuỷ tinh.  *Bước 2:* Thêm vào chậu thuỷ tinh 1 lít nước theo tỉ lệ: 1/2 nước vừa đun sôi: 1/2 nước sôi để nguội và khuấy đều sao cho nhiệt độ hỗn hợp khoảng 40 °c - 50 °c.  *Bước 3:* Cho vào hỗn hợp trên một hộp sữa chua để bổ sung vi khuẩn lactic, khuấy nhẹ, đều tay.  *Bước 4:* Múc hỗn hợp sữa chua vào các cốc thuỷ tinh nhỏ có nắp đậy.  *Bước5:* Xếp các cốc vào nổi ủ hoặc thùng xốp và ủ khoảng 8-12 giờ.  *Bước 6:* Bảo quản sữa chua đã ủ trong ngăn mát tủ lạnh.  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***GV cho HS báo cáo kết quả nhóm mình đã làm.  *Lưu ý: Sữa chua sau khi ủ phải sánh, mịn, có màu trắng sữa và vị chua nhẹ.* | Các nhóm đưa sản phẩm của nhóm mình làm lên trình bày.  C:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống.jpgC:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống (1).jpg |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định*** | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |

***Hoạt động 4: Luyện tập (Báo cáo kết quả thực hành)***

a. Mục tiêu: Hoàn thành xong báo cáo thực hành.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | | Hoạt động của học sinh | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  Hoàn thành báo cáo kết quả thực hành | | - Nhận nhiệm vụ | |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** Thực hiện tại lớp (nếu không kịp có thể về nhà hoàn thành tiếp), GV đưa ra hướng dẫn cần thiết (có mẫu kèm theo) | | - Thực hiện nhiệm vụ ở lớp (nếu không kịp thì có thể thực hiện ở nhà) | |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  + Nếu xong thì nộp luôn( nếu không hoàn thành xong thì tiết học tiếp theo nộp báo cáo cho GV) | | - Theo dõi đánh giá của giáo viên | |
| **BÁO CÁO: KẾT QUẢ THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN TRONG NƯỚC DƯA, NƯỚC CÀ MUỐI**  **Tiết: … Thứ … ngày … tháng … năm …** | | | | |
| **Nhóm: …… Lớp: ……** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | | **Kết quả** | |
| Vẽ và mô tả được hình dạng vi khuẩn lactic có trong tiêu bản | Quan sát vi khuẩn lactic trong nước dưa, nước cà muối | | (HS vẽ hình vi khuẩn lactic)  -Mô tả hình dạng: ……… | |
| Vẽ và nhận được một số vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu | Quan sát vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu | | (HS vẽ hình vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu)  -Mô tả hình dạng: …… | |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Tổ chức thực hiện: Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi-đáp, dạy học khám phá, kĩ thuật hỏi đáp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  + Trả lời câu hỏi dưới đây :  *Câu 1*: Trong các bước làm sữa chua, nếu không có sữa chua mồi thì quá trình làm sữa chua có thành công không? Vì sao?  *Câu 2:* Có bạn nói thời gian ủ sữa chua chỉ cẩn 1 - 2 giờ. Theo em, bạn nói có đúng không?Tại sao?  *Câu 3*: Hãy nêu các bước muối dưa cải thường sử dụng trong gia đình? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** Thực hiện tại lớp, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  + GV nghe HS trả lời  Câu 3:  *Lưu ý: Có thể cho thêm nước đường và nước dưa cũ để dưa nhanh chín vàng vì trong nước dưa muối cũ có chứa nhiểu vi khuẩn lactic, chúng sê chuyển hoá đường trong rau củ thành axit lactic làm dưa nhanh có vị chua* | - HS trả lời  *Câu 1*: Nếu không có sữa chua mồi thì quy trình làm sữa chua không thành công. Vi trong sữa chua mồi có chứa nguổn vi khuẩn giúp quá trình lên men xảy ra, cho vào ủ cùng với sữa sẽ kích thích quá trình lên men tạo ra sữa chua có vị chua, sánh mịn,...  *Câu 2*: Bạn nói không đúng vì thời gian lí tưởng là 8 - 12 giờ để vi khuẩn hoạt động làm cho sữa có độ chua nhất định. Nếu ủ ít hơn mức thời gian trên sữa sẽ chưa đủ độ chua, còn nếu để quá lâu thì sữa sẽ chua quá và bị biến đổi gâỵ hư hỏng  *Câu 3*: Các bước muối dưa cải:  Bước 1. Rau cải phơi se mặt, rửa sạch, cắt nhỏ 3-4 cm.  Bước 2. Đổ rau vào bình.  Bước 3. Pha nước muối ấm 6% rồi đổ ngập rau.  B Bước 4. Nén chặt, đậy kín, để nơi ấm. |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  GV nhận xét và chốt kiến thức | HS lắng nghe và hoàn thành bài tập vào vở. |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau: Họ và tên học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Có | Không |
| Chuẩn bị mẫu vật, dụng cụ đạt yêu cầu của bài thực hành |  |  |
| Nêu được yêu cầu của bài thực hành |  |  |
| Nắm rõ được quy trình các bước thực hành |  |  |
| Thực hiện thành thạo các bước |  |  |
| Ghi chép quá trình thực hành đầy đủ |  |  |
| Vẽ được hình ảnh quan sát được và tạo ra sản phẩm |  |  |

**CHỦ ĐỀ 8 : ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 27: NGUYÊN SINH VẬT**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết, Tiết 26,27)

**Ngày soạn: 27/11/2023**

**Ngày dạy: 01/12/2023**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong quá trình thực hành;

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

**2. Năng lực khoa học tự nhiên**

+ Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật; Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra; Trình bày được các biện pháp phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật

+ Quan sát và vẽ được một số đại diện nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày…); Tìm kiếm thông tin về các loại nguyên sinh vật, những lợi ích và tác hại do nguyên sinh vật gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do nguyên sinh vật.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Giải thích được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tôn trọng ý kiến, hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trong nhóm khi tham gia trò chơi nhận diện nguyên sinh vật

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ thu thập các dữ liệu để khám phá nguyên sinh vật trong tự nhiên và các bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án, video về nguyên sinh vật, hình ảnh phóng to H27.2, các thẻ tên (màng tế bào, chất tế bèo, nhân…..), máy chiếu, laptop

- Phiếu học tập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | | | |
| **STT** | **Tên nguyên sinh vật** | **Hình dạng** | **Môi trường sống** |
| **1** | **Trùng đế giày** |  |  |
| **2** | **Trùng roi** |  |  |
| **3** | **Trùng sốt rét** |  |  |
| **4** | **Trùng biến hình** |  |  |
| **5** | **Tảo silic** |  |  |
| **6** | **Tảo lục** |  |  |
| **?** Nhận xét về hình dạng của các nguyên sinh vật  **……………………………………………………………………………….**  **?** Nhận xét về môi trường sống của nguyên sinh vật  **……………………………………………………………………………….** | | | |

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-SGK, vở ghi

- Tìm hiểu trước về môi trường sống của nguyên sinh vật, các bệnh do nguyên sinh vật gây ra và cách phòng chống.

**III. Tiến trình dạy học**

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

- GV thu báo cáo thực hành bài 26

***Hoạt động 1: Khởi động***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***- Giao nhiệm vụ***: chiếu hình ảnh sinh vật mà HS đã chụp được khi thực hành ở bài 21 hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  HS tự hoạt động cá nhân trả lời trong 2 phút. Sau khi trả lời xong, GV gọi ngẫu nhiên 1 tới 2 HS, HS có câu trả lời chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. Câu hỏi:  + Nhận xét về môi trường sống, kích thước, màu sắc, đặc điểm di chuyển của chúng? | Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Chọn 1 tới 2 HS trình bày kết quả  + Mời HS khác nhận xét  + GV nhận xét | -HS được chọn trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung |
| ***Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:***  Ở bài thực hành 21, các em đã được quan sát rất nhiều sinh vật trong nước ao, hồ. Chúng có kích thước nhỏ, phải quan sát bằng kính hiển vi. Vậy chúng có kích thước nhỏ như vậy thì cấu tạo cơ thể của chúng ra sao và chúng có vai trò gì trong tự nhiên và đời sống? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu ở bài ngày hôm nay. | - HS lắng nghe. |

***B. Hình thành kiến thức mới***

***Hoạt động 2 :******Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật***

**a, Mục tiêu :**

- Nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên và môi trường sống của chúng.

- Trình bày được cấu tạo chung của nguyên sinh vật

- Giải thích được tại sao một số nguyên sinh vật có khả năng quang hợp

**b, Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ :***Quan sát video kết hợp quan sát H27.1 trong sgk, hoạt động cặp đôi hoàn thành PHT số 1 | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành một cặp, thảo luận và hoàn thành PHT số 1 trong vòng 2 phút. Sau khi thảo luận xong, cặp nào xung phòng trình bày và có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. | Thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT số 1 |
| Hướng dẫn HS chuyển PHT để chấm chéo | Nộp PHT số 1 |
| ***Báo cáo kết quả :***  - Chọn 1 tới 2 cặp đôi trình bày kết quả  - Mời cặp khác nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung | - Cặp được chọn trình bày kết quả  - Cặp khác nhận xét, bổ sung |
| ***Tổng kết :*** Hướng dẫn HS tự rút ra kết luận về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật |  |
| ***GV hỏi :***  ? Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở bài 21 | - HS hoạt động cá nhân trả lời |
| *GV tổ chức trò chơi : «****Ai nhanh hơn****»*  - Thông báo luật chơi : Các nhóm nhận được hình ảnh phóng to H27.2 và thẻ tên, dùng thẻ tên dính vào phần đánh số của hình ảnh. Đội nào dính nhanh nhất (tối đa là 3 phút) và trình bày thuyết phục sẽ dành chiến thắng | Ghi nhớ luật chơi |
| ***Giao nhiệm vụ :*** Sau khi dính xong thẻ tên, khi lên trình bày cần trả lời thêm câu hỏi :  ? Cơ thể nguyên sinh vật là đơn bào hay đa bào, thường gồm những bộ phận nào  ? Chúng có đảm nhiệm được các chức năng của một cơ thể sống không ? | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ :*** Chia lớp thành 12 nhóm (mỗi bàn là 1 nhóm), các nhóm nhận hình ảnh phóng to A3 H27.2 và các thẻ tên. Khi chơi xong, các nhóm thu lại như cũ và chuyển về phía bàn GV | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| ***Báo cáo kết quả :***  - Nhóm nhanh nhất sẽ lên trình bày và trả lời câu hỏi  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung | - Nhóm nhanh nhất trình bày  - Nhóm khác nhận xét |
| ***Tổng kết :***  - Tổng hợp đi đến kết luận về tổ chức cơ thể của nguyên sinh vật | - Kết luận về tổ chức cơ thể của nguyên sinh vật  - Ghi kết luận vào vở |
| ***Luyện tập :***  ? Quan sát cấu tạo của một số nguyên sinh vật trong H27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp ? Giải thích  - Mời 1, 2 HS trả lời  - Mời HS khác nhận xét | - Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi  - 1, 2 HS trả lời  - HS khác nhận xét |
| ***Mở rộng :*** Mời 1 HS đọc phần mở rộng về Nấm nhầy trong sgk | - Đọc phần mở rộng |

***Hoạt động 3****:* ***Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên***

**a, Mục tiêu :**

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên

- Trình bày được một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên

- Giải thích được một số hiện tượng trong thực tế

**b, Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ:*** Nghiên cứu thông tin trong sách giáo khoa kết hợp với thông tin tự tìm hiểu để vẽ sơ đồ tư về bệnh sốt rét, bệnh kiết lị và 1 bệnh khác do nguyên sinh vật gây nên gồm các phần: nguyên nhân, biểu hiện, con đường truyền bệnh và cách phòng chống.  -Nhóm 1, 2: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về bệnh sốt rét  -Nhóm 3, 4: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về bệnh kiết lị  -Nhóm 5, 6: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy 1 bệnh nữa do nguyên sinh vật gây nên. | Nhận nhiệm vụ từ cuối tiết trước |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  Mỗi nhóm sẽ có thời gian để thảo luận và thống nhất cách thuyết trình trong vòng 5 phút. Sau khi thảo luận xong, GV sẽ gọi ngẫu nhiên các nhóm treo sơ đồ và trình bày trong vòng 5 phút, trình bày chất lượng tốt sẽ được tặng điểm. | Hoạt động thảo luận nhóm |
| Hướng dẫn HS treo sơ đồ tư duy | Treo sơ đồ tư duy |
| ***Báo cáo kết quả:***  - GV gọi ngẫu nhiên các nhóm lên thuyết trình  - Các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá cho điểm | - Đại diện nhóm lên thuyết trình  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện |
| ***GV hỏi:*** Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uông, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dung? | - HS hoạt động cá nhân trả lời. |
| ***Tổng kết :*** Hướng dẫn HS tự rút ra kết luận về nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng chống của các bệnh do nguyên sinh vật gây ra | - HS về nhà tự hoàn thiện vào trong vở |
| ***GV mở rộng:*** Ngoài những tác hại trong tự nhiên, nguyên sinh vật cũng đóng vai trò là thức ăn của nhiều sinh vật dưới nước, cung cấp thức ăn, thực phẩm chức năng cho con người. | - HS lắng nghe |

***Hoạt động 4: Luyện tập***

**a, Mục tiêu:** HS sử dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

**b, Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ:*** Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  HS hoạt động cá nhân trong vòng 4 phút, trả lời câu hỏi 1,2 trong sách giáo khoa. Câu 3 đã trình bày ở phần hoạt động 3 HS tự về trình bày lại vào vở. Sau đó gọi ngẫu nhiên HS trả lời, nếu chính xác GV sẽ cho điểm. | Hoạt động cá nhận trả lời câu hỏi |
| ***Báo cáo kết quả:***  - GV gọi ngẫu nhiên HS lên trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá cho điểm | - HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung |
| ***GV hỏi:*** Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uông, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dung? | - HS hoạt động cá nhân trả lời. |
| ***Tổng kết:*** GV khen ngợi tinh thần học tập của HS | - HS lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng***

**a, Mục tiêu :** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi thực tế

**b, Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ:*** Trả lời câu hỏi sau đây vào PHT, tiết sau nộp lại cho GV:  + Hiện tượng thủy triều đỏ là gì?  + Tác hại của thủy triều đỏ tới môi trường, sinh vật và con người? | Nhận nhiệm vụ |
| ***Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:***  HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi tại nhà. | Hoạt động cá nhân thực hiện tại nhà |
| ***Báo cáo kết quả :***  - Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | Theo dõi đánh giá của GV |

***C. Dặn dò***

- Hoàn thiện bài tập 1, 2, 3 trong sgk

- Tìm hiểu về nấm túi và nấm đảm

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

Kết thúc bài học, GV cho HS đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nhận biết được 1 số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và các biện pháp phòng tránh |  |  |  |  |

**CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 28: NẤM (3 tiết, tiết 28,29,30)**

**Ngày soạn: 01/12/2023**

**Ngày dạy: 07/12/2023**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân khi tìm hiểu về đa dạng nấm và vai trò của nấm; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

- Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của nấm men, nấm mốc, nấm rơm;Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; Xác định được sự tổn tại của cơ thể nấm đơn bào và cơ thể nấm đa bào trong tự nhiên;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được trong tự nhiên.

**2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

- Nhận biết được một số đại diện nấm trong tự nhiên thông qua hình ảnh, mẫu vật (nấm đảm, nấm túi,...);

- Tìm hiểu tự nhiên: Xác định được nấm đơn bào, nấm đa bào; Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nấm;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trồng nấm rơm.

**3. Phẩm chất**

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, sgk. Bảng phụ trang 144. Tranh phóng to H 35.1; 35.2; 35.3; 35.4; 35.5; 35.6 - SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop (nếu có). Một số video về vai trò và các bệnh do nấm gây ra.

**Dụng cụ:** Kính lúp cầm tay, panh, kim mũi nhọn, đĩa đồng hồ,găng tay, khẩu trang cá nhân.

**Mẫu vật**: một ít mốc trắng từ cơm nguội ,bánh mỳ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà. Chuẩn bị tìm hiểu về vai trò của nấm; một số bệnh do nấm gây ra. Bài thuyết trinh về vai trò của nấm; Trò chơi.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRÒ CHƠI**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

**b. Cách thức tổ chức hoạt động:** Chia lớp 2 đội **-** Quan sát tranh ảnh – Viết tên các nấm ăn được và làm thuốc. Đội nào đúng nhanh hơn sẽ thắng.

Hình ảnh 1: Nấm hương – làm thức ăn

Hình ảnh 2: Nấm độc đỏ - đẹp nhưng rất độc

Hình ảnh 3: Mốc trắng trên bánh mỳ - làm ôi thui thức ăn

Hình 4: Nấm linh chi – làm thuốc

Hình ảnh 5: Nấm than trên ngô – ký sinh hại cây trồng

Hình ảnh 6: Hắc lào - Nấm ký sinh trên da gây bệnh

Hình ảnh 7: Nấm kim – làm thức ăn

Hình ảnh 8: Mộc nhĩ – làm thức ăn

Hình ảnh 9: Nấm rơm – làm thức ăn

Hình ảnh 10: Nấm độc trắng – rất độc

- Hs chọn các loại nấm được dùng làm thức ăn (nấm hương, mộc nhĩ, nấm rơm, nấm kim) và nấm làm thuốc Nấm linh chi)

- Gv nhận xét và giới thiệu bài: vậy tại sao cũng là các loại nấm nhưng có nhiều loại lại chứa độc tố nguy hiểm, có loại làm hư hỏng thực phẩm hoặc gây bệnh cho con người và động thực vật. Vậy các loại nấm đó có đặc điểm gì khác nhau?

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2. QUAN SÁT MỘT SỐ NẤM**

**a. Mục tiêu:** Hs quan sát nấm bằng mất thường và bằng kinh lúp. Nhận biết được nấm và 1 số đại diện nấm phổ biến trong đời sống.

**b. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát 1 số loại nấm trên hình ảnh, mẫu nấm mốc qua kinh lúp, vễ lại hình.  Sắp xếp các ảnh hiện có thành bộ sưu tập ảnh về nấm. | Học sinh quan sát tranh, mẫu vật. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv đặ câu hỏi.  Hướng dẫn Hs quan sát mẫu vật bằng kinh lúp.  Hướng dẫn Hs làm bộ sưu tập ảnh. | Học sinh trả lời bằng cách gọi tên nấm trong hình ảnh gv đưa ra,  Làm bộ sưu tập ảnh về nấm. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách quan sát mẫu vật của HS | -Gọi tên đúng các loại nấm: Nấm rơm, nấm hương, nấm kim châm, nấm mộc nhĩ, nấm linh chi.  - Vẽ hình sợi nấm, nấm hương, nấm rơm.  - Mỗi Hs có 1 bộ sưu tập về nấm. | |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức | | Học sinh nghe |

**Hoạt động 3. SỰ ĐA DẠNG CỦA NẤM**

**a. Mục tiêu:** HS thấy được sự đa dạng của nấm; từ đó phân biệt nấm đảm và nấm túi; nấm đơn bào và nấm đa bào; nấm ăn được và nấm độc.b

**b. Cách thức tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát H 35.1; 35.2, thảo luận ( nhôm 2) trả lời các câu hỏi 3,4,5,6 | Học sinh quan sát hình và đọc thông tin. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV đặt câu hỏi, phát PHT, theo dõi HS làm vào PHT | Học sinh trả lời câu hỏi vào PHT | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét kết quả thảo luận của HS  Phân biệt nấm túi và nấm đảm?  Phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào?  Phân biệt nấm ăn được và nấm độc?  Môi trường sống của nấm như thế nào?  Kể tên một số nấm ăn được mà em biết | -Hình dạng của nấm đa dạng: hình bầu dục, hình cốc, hình mũ, hình sợi,...  - Phân biệt đúng nhôm nấm đảm và nấm túi: ..  - Nhận biết đúng cấu tạo đơn hay đa bào  - Môi trường sống  - Nấm ăn được và nấm độc.  ( Hs trao đổi PHT để chấm chéo giữa các nhôm) | |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức  GV hướng dẫn HS đọc thêm để hiểu biết về nấm độc ở Việt Nam. | | Học sinh nghe |

**Phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên loại nấm | Hình dạng | Cấu tạo đơn bào hay đa bào | Nấm đảm hay nấm túi | Nấm ăn được hay nấm độc | Môi trường sống |
| Nấm hương |  |  |  |  |  |
| Nấm sò |  |  |  |  |  |
| Nấm men |  |  |  |  |  |
| Nấm mộc nhĩ |  |  |  |  |  |
| Nấm độc đỏ |  |  |  |  |  |
| Nấm độc tán trắng |  |  |  |  |  |
| Nấm cốc |  |  |  |  |  |
| Nấm đông trùng hạ thảo |  |  |  |  |  |
| Nấm bụng dê |  |  |  |  |  |
| Nấm mốc |  |  |  |  |  |
| ……………… |  |  |  |  |  |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

* Sự đa dạng của nấm thể hiện ở:

+ Nhiều hình dạng, kích thước khác nhau

+ Cấu tạo đơn bào hoặc đa bào

+ Cơ quan sinh sản : là đảm bào tử ( nhóm nấm đảm) , là túi bào tử ( nhóm nấm túi)

+ Có loại nấm ăn được ( nấm hương, mộc nhĩ, …); có loại nấm độc.

* Sự đa dạng của nấm còn thể hiện ở môi trường sống ( đất, rơm rạ, thức ăn, hoa quả, da …) chủ yếu là ẩm ướt.

**Hoạt động 4. VAI TRÒ CỦA NẤM**

**a. Mục tiêu**: HS biết vai trò của nấm, biết các loại nấm có ích, nấm có hại, một số chế phẩm sinh học từ nấm.

**b. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Kiểm tra sự chuẩn bị bài của các nhóm.  Cho các nhóm treo nội dung chuẩn bị lên các vị trí trong phòng học theo quy định. | Học sinh chuẩn bị nội dung đã được phân công chuẩn bị. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv lắng nghe các nhóm báo cáo , các nhóm khác đặt câu hỏi về nội dung thuyết trình. | Hs các nhóm cử các đại diện lên thuyết trinh .  Hs các nhóm khác đặt câu hỏi. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách trình bày của các nhóm | Nấm có vai trò phân huỷ xác sinh vật (thực vật, động vật), làm sạch môi trường.( trong tự nhiên)  Nấm được sử dụng làm thức ăn: nấm rơm, nấm hương, nấm mộc nhĩ,...  Nấm được sử dụng làm tác nhân lên men trong sản xuất rượu, bia, bánh mì, nấm men.  Nấm được sử dụng làm thực phẩm chức năng bổ dưỡng cho cơ thể: nấm linh chi, nấm vân chi.  Nấm được sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học: một số loài nấm có khả năng kí sinh trên cơ thể sâu làm ngừng trệ các quá trình sống của sâu. | |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức  Bài tập: Kể tên 1 số nấm có vai trò trong thực tiễn | | Học sinh nghe |

**Hoạt động 5: Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra.**

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết một số bệnh do nấm gây ra ở người, nhận biết sự lây lan của bệnh và nêu một số biện pháp phòng, chống bệnh do nấm.

**b. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Phân công nhóm yêu thích bộ môn chuẩn bị nội dung các câu hỏi có liên quan đến các bệnh do nấm gây ra.  Phân công số HS còn lại trong lớp tìm hiểu thông tin về bênh do nấm và nội dung SGK | Học sinh chuẩn bị nội dung đã được phân công. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv quan sát Hs Tổ chức trò chơi. Giải quyết những thắc mắc nếu hs gặp vấn đề cần hỏi. | Hs giới thiệu luật chơi, các câu hỏi kèm hình ảnh về các bệnh do nấm.  Hs trả lời các câu hởi theo đội.  Đội nào trả lời nhanh hơn và đúng nhiều câu sẽ đạt điểm cao là thắng. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách tổ chức của HS. | - Các bệnh do nấm có biểu hiện như thế nào.  -Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm.  - Một số con đường có thể làm lây truyền bệnh do nấm như:  + Tiếp xúc trực tiếp với đối tượng (như người haỵ vật nuôi) bị nhiễm nấm;  + Dùng chung đồ với người bị nhiễm nấm;  + Tiếp xúc với môi trường ô nhiễm; bụi, đất chứa nấm gây bệnh. | |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức  GV hướng dẫn HS đọc thêm về nấm mốc và penicillin trong SGK. | | Học sinh nghe |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

Các bệnh do nấm gây ra và biểu hiện của bệnh

Con đường lây nhiễm do nấm gây ra.

Cách phòng tránh mắc các bệnh do nấm.

- Hạn chế tiếp xúc với mẩm bệnh, nguồn bệnh, đặc biệt nơi môi trường ẩm mốc;

- Bảo hộ an toàn khi tiếp xúc với người bị nhiễm nấm hoặc khử trùng sau khi tiếp xúc với môi trường không an toàn với nấm mốc;

- Không dùng chung đổ với người bị bệnh nấm, hoặc với người khác. Quần áo sau khi mặc cần được giặt ngay, tránh treo trên giá sau đó vài ngày đưa ra mặc lại;

- Vệ sinh cơ thể đúng cách, đúng thời điểm, an toàn;

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.

**Hoạt động 6: Tìm hiểu kĩ thuật trồng nấm rơm**

**a. Mục tiêu**: HS làm dự án ảo "Quỵ trình trồng nấm rơm"

**b. Cách thức tổ chức hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv giao nhiệm vụ cá nhân Hs tìm hiểu và làm dự án ảo ở nhà | Hs nhận thông tin yêu cầu của GV | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| Gv cung cấp và giúp đỡ HS các thông tin, nội dung cần thiết. | Hs đọc các thông tin trong SGK và sưu tầm hình ảnh video có liên quan đến trồng nấm rơm.  Sắp xếp thông tin và hình ảnh sao cho phù hợp và chinh xác. | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| Nhận xét câu trả lời.  Nhận xét cách trình bày của các nhóm | -Trình bày các bước thực hiện dự án.  -Giải thích các thông tin: môi trường trồng nấm rơm vì sao không là đất?  -Trồng gần nơi chăn nuôi gia súc, gia cầm là đúng hay sai? | |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức  \* Lưu ý môi trường trồng nấm rơm như thế nào là lý tưởng?  \* Nấm men được ứng dụng trong những lĩnh vực nào của đời sống con người? | | Học sinh nghe  Nấm men được dùng phổ biến trong nhiều lĩnh vực của đời sống như sản xuất bia, bánh mì, lên men rượu,...  - Trong sản xuất nước tương, nước mắm, có thêm thành phẩn nấm men được chiết xuất sẽ giúp làm dịu đi vị chát của muối và loại bỏ mùi tanh khó chịu của cá. Nước tương, nước mắm sẽ thơm ngon, tròn vị và rất đậm đà.  - Trong sản xuất mì gói: Nấm men khi dùng để ăn với mì gói sẽ tạo cảm giác tô mì thơm ngon, ngọt nước hơn.  - Trong sản xuất hạt nêm, nấm men được bổ sung từ 1 đến 5% giúp cho vị ngọt của đạm trong hạt nêm tăng lên đáng kể. Chiết xuất của nấm men còn có thêm chức năng làm tròn vị cho sản phẩm.  - Trong sản xuất các loại bánh, nấm men không thể thiếu trong quá trình lên men. Một lượng nấm men phù hợp làm bánh mì thơm ngon hơn. |

**- NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

Các bước của quy trình trồng nấm rơm ( 5 bước). Giải thích các bước.

Một số ứng dụng của nấm men trong 1 số lĩnh vực của đời sống con người.

**HOẠT ĐỘNG 7. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

**b. Cách thức tổ chức hoạt động:** Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động trò chơi.

**NỘI DUNG CÂU HỎI LUYỆN TẬP:**

Có thể dựa vào một số đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào, nấm đảm và nấm túi, nấm độc và nấm không độc.

- Phân biệt nấm đảm và nấm túi: Dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản của nấm, ta có thể phân biệt nấm đảm và nấm túi. Nấm đảm có đảm bào tử (ví dụ nấm hương). Nấm túi có túi bào tử (ví dụ nấm mốc).

- Phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được: Dựa vào đặc điểm cấu tạo câỵ nấm, ta có thể sơ bộ phân biệt nấm độc và nấm ăn được. Nấm có đủ các phẩn của thể quả (mũ, phiến nấm, cuống nấm, vòng cuống nấm và bao gốc nấm), đặc biệt là những loại nấm có đẩy đủ vòng cuống nấm, bao gốc nấm thường là nấm độc.

- Phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào: Dựa vào cấu tạo tế bào, ta có thể phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào. Cơ thể nấm đơn bào (ví dụ nấm men) chỉ có 1 tế bào. Nấm đa bào (ví dụ nấm mốc) có hệ sợi nấm được cấu tạo từ nhiều tế bào.

Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm, nồm. Những vị trí dễ xuất hiện nấm mốc trong nhà: góc nhà ẩm, quần áo mặc dở treo lâu ngày, thức ăn để lâu không được bảo quản đúng cách.

**HOẠT ĐỘNG 8: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng các kiến thức vào thực tế

**b. Cách thức tổ chức hoạt động :** Vấn đáp học sinh

Biện pháp phòng chống bệnh do nấm gây nên trên da người?

- Tránh tiếp xúc với nguồn bệnh;

- Vệ sinh cơ thể, rửa tay đúng thời điểm;

- Thay quần áo ngaỵ khi đi làm về hoặc ngay sau khi tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, nghi ngờ có nguồn bệnh.

- Vệ sinh môi trường, giữ cho môi trường thông thoáng, sạch sẽ.

Bảo quản thức ăn, thực phẩm như thế tránh bị nấm mốc?

* ***Phơi thật khô trước khi cất đi, để nơi khô ráo, thoang mát.***
* ***Thức ăn bảo quản lạnh hoặc ướp muối, hun khói…***

***C. Dặn dò :***

- Làm bài tập SBT, Vẽ sơ đồ hình 28.2

- Đọc trước bài tiếp theo

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Tham gia tích cực hoạt động thảo luận ở nhà |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của nấm |  |  |  |  |
| Khả năng phòng chống bệnh về nấm cho bản thân |  |  |  |  |

**Bài 29. THỰC VẬT**

(Thời gian thực hiện: 5 tiết, Tiết 31,32,34,35,35 )

**Ngày soạn: 11/12/2023**

**Ngày dạy: 19/12/2023**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực chung**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng thực vật và vai trò của thực vật

+ Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm thực vật; vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng các nhóm thực vật tồn tại trong tự nhiên, hoàn thành sơ đồ thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm thực vật trong tự nhiên; Giải thích được sự cần thiết của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.

**2. Năng lực khoa học tự nhiên**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được các nhóm thực vật trong tự nhiên dựa vào sơ đồ, hình ảnh và mẫu vật; thực vật không có mạch (Rêu); thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín);

+ Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, dược phẩm, đồ dùng,…; Nhận thức được vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vẽ được sơ đồ các nhóm thực vật; Phân biệt các nhóm thực vật trong tự nhiên theo các tiêu chí phân loại đã học.

***3. Phẩm chất***

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên, bảo vệ cây xanh, trồng cây gây rừng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip(ghép ảnh) giới thiệu về các loại thực vật trong các môi trường sống khác nhau.

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  NHÓM:…….. | | |
| Nhóm thực vật | Đại diện | Đặc điểm |
| Rêu |  |  |
| Dương xỉ |  |  |
| Hạt trần |  |  |
| Hạt kín |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  NHÓM:…….. | | | | | | |
| Tên cây | Giá trị sử dụng | | | | | |
| Làm lương thực | Làm thực phẩm | Làm thuốc | Lấy quả | Lấy gỗ | Làm cảnh |
| Cây ngô |  |  |  |  |  |  |
| Cây xoài |  |  |  |  |  |  |
| Cây đu đủ |  |  |  |  |  |  |
| Cây chè |  |  |  |  |  |  |
| Cây cau |  |  |  |  |  |  |
| Cây dừa |  |  |  |  |  |  |
| Cây mít |  |  |  |  |  |  |
| Cây diếp cá |  |  |  |  |  |  |
| Cây thông |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  NHÓM:…….. | |
| Tên cây | Môi trường sống |
| Cây rêu |  |
| Cây dương xỉ |  |
| Cây thông |  |
| Cây xương rồng |  |
| Cây phong lan |  |
| Cây ổi |  |
| Câu hỏi:  Câu 1. Dựa vào đặc điểm của các nhóm thực vật, hãy xây dựng khóa lưỡng phân.  Câu 2. Điều gì xảy ra với các sinh vật trong chuỗi thức ăn nếu số lượng loài thực vật bị giảm đi đáng kể.  Câu 3. Việc trồng nhiều cây xanh có lợi ích gì đối với vấn đề bảo vệ môi trường.  Câu 4. Tại sao nói “Rừng là lá phổi xanh” của Trái Đất? | |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Nhanh tay – Nhanh mắt”***

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tìm hiểu về sự đa dạng của giới thực vật.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Kể tên các loại thực vật có trong video. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong video  + Viết tên các loài thực vật có trong video.  + Kết thúc video, HS các tổ luân phiên nhau viết tên các loài thực vật lên bảng trong 5 phút  + Nhóm chiến thắng là nhóm trong 5 phút viết chính xác được nhiều nhất tên loài thực vật trongg video | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu video để HS quan sát  + HS tiếp sức nhau để viết tên các loài thực vật trên bảng. | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Đánh giá nhóm thắng cuộc*** | - Hoàn thành nhiệm vụ vào vở ghi |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Tên các loài cây trên bảng là các loài thực vật. Vậy các loài thực vật được phân loại ra sao? Nó có vai trò và ý nghĩa gì đối với tự nhiên và con người? | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm thực vật***

a. Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.*** Quan sát hình 36.1 hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2. Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***Bước 4. Kết luận và nhận định***  + Tổng hợp để đi đến đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau. | - Kết luận đặc điểm của các nhóm thực vật và phân biệt các nhóm với nhau.  - Ghi kết luận vào vở |

***Đáp án phiếu học tập***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm thực vật** | **Đại diện** | **Đặc điểm** |
| Rêu | Cây rêu tường | Thường mọc thành từng thảm; cây chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn. |
| Dương xỉ | Cây dương xỉ | Tổ chức cơ thể gồm rễ, thân, lá; có hệ mạch dẫn (vận chuyển các chất trong cây); sinh sản bằng bào tử. |
| Hạt trần | Cây thông | Sống trên cạn; cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn trong thân, hạt nằm lộ trên noãn (gọi là hạt trần), chưa có hoa và quả; cơ quan sinh sản là nón. |
| Hạt kín | Cây lúa, cây táo | Các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng; thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện; cơ quan sinh sản là hoa; hạt được bảo vệ trong quả. |

***Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của thực vật trong tự nhiên***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được các vai trò của thực vật trong tự nhiên: là thức ăn, nơi ở cho nhiều loài sinh vật.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  + Một tờ giấy A3 được chia thành 4 phần và 1 vòng tròn ở giữa, mỗi bạn sử dụng 1 góc, mỗi góc ghi tên các loài thực vật và các loài động vật.  + Mỗi nhóm phân công 1 bạn quan sát và ghi các sinh vật trong nhóm các bạn đã ghi thành các chuỗi thức ăn vào vòng tròn giữa tờ giấy A3  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV lựa chọn 1 chuỗi thức ăn phổ biến nhất và phân tích cho HS. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi chuỗi thức ăn đúng sẽ được 1 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật trong tự nhiên. Lấy ví dụ về 1 chuỗi thức ăn và phân tích.  🡪 Thực vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên. Thực vật  + Là thức ăn cho nhiều loài động vật trong tự nhiên. Nếu không có thực vật, các mắt xích thức ăn phía sau không thể tồn tại.  + Là nơi ở của động vật  + là nơi sinh sản cảu động vật | - Kết luận về vai trò của khoa học tự nhiên  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 4. Tìm hiểu vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường***

a. Mục tiêu: học sinh nêu được các vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường như: cân bằng hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí; giữ đất, giữ nước, hạn chế xói mòn, sạt lở.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 bạn gần nhau nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trong sgk | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV đưa ra thêm một số câu hỏi gợi mở. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Đánh giá giữa các nhóm HS  + Đánh giá của GV | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường.  🡪 Thực vật có vai trò quan trọng với vấn đề bảo vệ môi trường.  Thực vật quang hợp sẽ lấy khí carbon dioxide để tổng hợp chất hữu cơ đổng thời giải phóng khí oxygen vào không khí.  Động vật và con người sử dụng khí oxỵgen cho hô hấp đổng thời giải phóng khí carbon dioxide vào trong khí quyển.  Quá trình lặp đi lặp lại tuần hoàn sẽ làm cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí.  Trên thực tế hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí không cân bằng do cây xanh bị chặt phá nhiều, ô nhiễm môi trường không khí, hàm lượng khí thải carbon dioxide tăng cao trong khi lượng thực vật không đủ để làm cân bằng lượng khí này. | - Kết luận về vai trò của thực vật với vấn đề bảo vệ môi trường.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 5. Tìm hiểu vai trò của thực vật trong đời sống***

a. Mục tiêu: tìm hiểu vai trò của thực vật đối với con người; xác định được các nhóm thực vật mang lại những giá trị lợi ích khác nhau như: làm thức ăn, làm cảnh, làm thuốc,...

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  Yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  Yêu cầu học sinh kết luận về vai trò của thực vật với đời sống con người. Cho ví dụ minh họa.  🡪 Đối với đời sống con người, thực vật:  - Cung cấp lương thực, thực phẩm và cây ăn quả: bẩu, su hào, sắn,...  - Cung cấp dược liệu (làm thuốc): tía tô, cơm nguội,...  - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: cà phê, ca cao,...  - Cung cấp gỗ: lim, táu, sến,...  - Cung cấp cây cảnh: tùng, vạn tuế, đa, si,... | - Kết luận về vai trò của thực vật với đời sống con người.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 6: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  + Mỗi nhóm 4 bạn, vẽ poster trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày vai trò của thực vật | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  + Các nhóm treo poster lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  + Đánh giá được nhóm nào trình bày được nhiều vai trò của thực vật nhất  + Nhóm trình bày sáng tạo nhất  + Nhóm được nhiều người yêu thích nhất. | - HS tự đánh giá và đánh giá nhóm  - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 7: Vận dụng***

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  + Thảo luận theo tổ để hoàn thành phiếu học tập số 3. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV |  |
| ***Bước 4: Kết luận và nhận định***  + Thực hiện ở tiết thứ 5  + Tổng kết lại nội dung kiến thức về giới thực vật bằng sơ đồ. | - Học sinh lắng nghe  - Theo dõi đánh giá của giáo viên và HS |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT, Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được các nhóm thực vật, đại diện và đặc điểm của các nhóm thực vật |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của thực vật |  |  |  |  |

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết, tiết 33)

**Ngày soạn: 21/12/2023**

**Ngày dạy: 28/12/2023**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

+ Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đế ôn tập;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

**2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

+ Hệ thống hoá được kiến thức về virus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm, thực vật.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Bút dạ nhiều màu

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Bài mới**

**Hoạt động 1. *Khởi động***

*a. Mục tiêu*: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tư duy tìm ra đáp án các câu hỏi về về virus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm..

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Sau khi nghe câu hỏi bạn nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời, nếu trả lời đúng sẽ được danh hiệu giỏi nhất trong lĩnh vực đó và được cộng 0,5 điểm vào điểm thường xuyên, trả lời sai quyền trả lời dành cho người tiếp theo. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Câu hỏi 1: Sau khi học bài virus, bạn Linh nói:"Virus là một dạng sống đặc biệt". Em hãỵ giải thích câu nói của bạn Linh?  Câu hỏi 2: Vi khuẩn có ở đâu?  A. Trong không khí.  B. Ở trong nước.  C. Trong đất, nước, không khí, cơ thể sinh vật  D. Ở trong đất. | - Nhận nhiệm vụ  + Virus là một dạng sống đặc biệt vì virus sống kí sinh nội bào bắt buộc, khi ra khỏi tế bào vật chủ, virus tồn tại như một vật không sống.  + C |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Thông qua các câu hỏi giáo viên có thể dẫn dắt học sinh tổng hợp lại các kiến thức về virus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm.   Bài học hôm nay chúng ra sẽ tổng hợp các vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

**Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức**

*a. Mục tiêu*: Hệ thống lại các kiến thức về tính chất, ứng dụng đã học về virus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm.

*b. Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Câu 1<NB>** Loại nấm nào dưới đây được xếp vào nhóm nấm túi ?  A. Nấm rơm B. Mốc trắng. C. Nấm hương. D. Nấm mỡ  **Câu 2 <NB>** Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng nào sau đây ?  A.Tỏa ra mùi hương quyến rũ  B.Thường sống quanh các gốc cây  C.Có kích thước lớn  D.Có màu sắc rất sặc sỡ, có vòng cuống nấm và bao gốc nấm.  **Câu 3<TH>** Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ ỵếu?  A. Vi khuẩn B. Virus.  C. Nguyên sinh vật. D. Nấm men.  **Câu 4<TH>** Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?  A. Nấm hương B. Nấm mốc  C. Nấm bụng dê D. Nấm men  **Câu 5<TH>** Thuốc kháng sinh penicillin được sản xuất từ đâu?  A. Nấm men B. Nấm mốc.  C. Nấm mộc nhĩ. D. Nấm độc đỏ | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành câu hỏi.  1. B 2. D 3. D 4. A 5. A |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày kết quả.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét. |

**Hoạt động 3: Bài tập**

*a. Mục tiêu*: Học sinh làm được các bài tập liên quan đến tên, tính chất, ứng dụng của nvirus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Giao nhiệm vụ:**  **Câu 1<VD>**Vẽ sơ đồ thể hiện con đường truyển bệnh kiết lị và biện pháp phòng chống.  **Câu 2<VD>** Trình bày nguyên nhân của bệnh sốt rét, kiết lỵ biểu hiện bệnh và nêu cách phòng chống. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên , tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***BT1:***  + Chọn cặp xung phong nhanh nhất trình bày câu trả lời  + Yêu cầu các cặp hs khác nhận xét  + Nhận xét và sửa sai cho hs nếu có  GV phân tích  Câu 1: <$> Sơ đồ con đường truyền bệnh kiết lị:  Phân người 🡪 ruồi 🡪 thức ăn 🡪 cơ thể con người 🡪 phát bệnh (dấu hiệu: đau bụng, tiêu chảy, sốt,...)  \* Biện pháp phòng chống:  - Rửa sạch tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, ăn chín, uống sôi.  - Rửa sạch rau sống, thức ăn cần đậy kỹ tránh ruồi nhặn.  - Vệ sinh môi trường ở sạch sẽ. Ðặc biệt nơi sống tập thể và người phục vụ ăn uống, cấp dưỡng, nuôi dạy trẻ phải sạch sẽ.  Câu 2:  <$> Bệnh sốt rét do trùng sốt rét gây nên. Khi muỗi đốt cơ thể người bệnh, trùng sốt rét theo máu vào cơ thể muỗi và truyền sang người lành qua tuyến nước bọt của muỗi.  - Biểu hiện bệnh: sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa…  - Cách phòng chống:  + Mắc màn trước khi ngủ.  + Dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa thường xuyên.  + Không để nước tù đọng xung quanh nhà, thường xuyên phát quang bụi rậm.  + Diệt muỗi bằng bình xịt. | - Cặp nhanh nhất trình bày kết quả  - Các cặp khác nhận xét    - Ghi đáp án |
| ***- Kết luận, nhận định***  + Cặp trả lời nhanh nhất và đúng được cộng 1 điểm  + Cho HS chấm chéo, 2 nhóm được chấm điểm cao nhất trong phiếu học tập được cộng 1 điểm.  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không. | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

*a. Mục tiêu*: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời một số câu hỏi mà giáo viên đưa ra

*b. Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  *Giáo viên hỏi nhanh một số câu hỏi như sau để học sinh lựa chọn đáp án đúng:*  **Câu 1<NB>** Sinh vật nào sau đây không phải là động vật nguyên sinh?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A.Trùng roi | B. Trùng kiết lị | C. Trùng giày | D. Virus corona |   **Câu 2<NB>** Bệnh kiết lị do tác nhân nào gây nên?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A.Trùng roi | B. Trùng kiết lị | C. Trùng giày | D. Amip ăn não |   **Câu 3<TH>**Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật:  A. có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi.  B. có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.  C. chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.  D. có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***GV hỗ trợ khi cần thiết | + HS thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi  + GV đánh giá | + Câu 1:D  + Câu 2: B  Câu 3: A  - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Kết luận và nhận định:***  + GV chốt và giải thích lại thắc mắc của học sinh nếu có  + HS trả lời đúng và nhanh nhất được cộng 0,5 điểm | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 5: Vận dụng**

*a. Mục tiêu*: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Làm poster về biện pháp phòng chống bệnh về vi khuẩn, virut.  Tiết sau nộp | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên. |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm, cặp theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Xây dựng được sơ đồ tên, tính chất của nấm, vi khuẩn, virut, nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| Thực hiện các bài tập được giao |  |  |  |  |